

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải

Ông Nguyễn Minh Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

BMT, sinh ngày 08 tháng 11 năm 1994 tại Hải Phòng. ĐKKHKT: Số 52/44 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng. Chỗ ở hiện nay: Số 10 tổ 1, phường D, quận C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông E (đã chết) và bà F; chưa có vợ con; tiền án: 01 tiền án tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2014/HSST ngày 23/12/2014 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng và Bản án hình sự phúc thẩm số 17/2015/HSPT ngày 31/3/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt BMT 48 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (chưa được xóa án tích do chưa thi hành án phí dân sự sơ thẩm); tiền sự: 03 tiền sự chưa được xóa tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11/QĐ-XPHC ngày 10/4/2020 của Công an phường Kênh Dương, quận Lê Chân về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (xử phạt bằng hình thức phạt tiền, số tiền 750.000đồng); Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn số 62^A/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường D, quận C trong thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 94/QĐ-TA

ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; bị tạm giữ từ ngày 06/01/2021 đến ngày 15/01/2021 chuyển tạm giam; có mặt.

- *Bị hại:* Chị BH, sinh năm 1996; nơi cư trú: Số 9 G, phường H, quận I, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh NLQ1, sinh năm 1982 và vợ là chị NLQ2, sinh năm 1982; cùng nơi cư trú: Số 582 J, phường K, quận L, Hải Phòng; đều có mặt.

- *Người làm chứng:* Chị NLC; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 02 tháng 01 năm 2021, BMT đi bộ đến nhà chị NLC (là cô của bạn gái) nhờ chở BMT đến khu vực H để tìm một người bạn. Chị NLC đồng ý sau đó mượn xe máy điện của con gái là M giao cho BMT điều khiển còn chị NLC ngồi phía sau. BMT điều khiển xe đến khu vực N, H thì phát hiện thấy có một xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS 15B3-033.15 đang dựng trên vỉa hè trước cửa nhà số 7, G, H, I, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa. Do đang không có tiền tiêu xài nên BMT nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô trên. BMT điều khiển xe máy điện đi lại nhiều vòng để quan sát xem chiếc xe có ai trông coi không, lần cuối BMT quay lại đi qua chiếc xe trên thì dừng lại. BMT xuống xe bảo chị NLC đi về trước còn mình đi có việc. Khi chị NLC điều khiển xe đi khỏi, BMT đi bộ quay lại ngồi lên xe, mở khóa điện rồi nổ máy phóng đi. Nghe thấy tiếng nổ máy, chị BH cùng gia đình từ trong nhà chạy ra hô đuổi theo nhưng không kịp. BMT điều khiển xe mô tô đến khu vực chân Cầu O thì dừng lại kiểm tra cốp xe bên trong có 01 ví da màu đỏ đựng 01 căn cước công dân, 01 đăng ký xe, 01 thẻ bảo hiểm, 01 thẻ ATM đều mang tên BH và số tiền 450.000đồng. BMT lấy 01 căn cước công dân, 01 đăng ký xe, số tiền 450.000đồng cất trong túi quần bên phải đang mặc rồi đi thuê nhà nghỉ để ngủ, còn 01 ví da màu đỏ, 01 thẻ bảo hiểm, 01 thẻ ATM của chị BH thì BMT vất đi trên đường. Khoảng 17 giờ ngày 03/01/2021 BMT mang xe mô tô đã trộm cắp được đến cửa hàng cầm đồ P; địa chỉ: số 582 J, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng của anh NLQ1 vợ là chị NLQ2 cầm được số tiền 15.000.000đồng. Toàn bộ số tiền 15.450.000đồng BMT chơi điện tử và tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 06/01/2021 BMT đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng đầu thú và giao nộp 01 bản Hợp đồng cầm đồ xe mô tô trên.

Ngày 06/01/2021, tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng anh NLQ1 tự nguyện giao nộp lại chiếc xe mô tô trên kèm theo 01 chìa khóa xe

mô tô, 01 đăng ký xe, 01 thẻ căn cước công dân của chị BH, 01 Hợp đồng cầm đồ bản chính, 01 giấy phôtô căn cước công dân mang tên BMT.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 06/01/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng kết luận: “01 xem mô tô đã qua sử dụng nhãn hiệu HONDA VISION; Biển số 15B3-033.15, màu sơn đỏ đen, chất lượng còn lại khoảng 70%, có giá 25.000.000đồng”.

Tại Cáo trạng số: 24/CT-VKS-HB ngày 22-3-2021, Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng truy tố BMT về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với chị NLC: BMT thực hiện hành vi trộm cắp tài sản một mình, không bàn bạc trước với chị NLC. Sau khi trộm cắp tài sản, BMT không nói cho chị NLC biết, không chia tiền đã cầm cố tài sản trộm cắp cho chị NLC. Do đó không có căn cứ xử lý chị NLC về hành vi đồng phạm với BMT.

Đối với vợ chồng anh NLQ1 và chị NLQ2 là chủ cửa hàng cầm đồ P, khi BMT mang chiếc xe mô tô đến cầm cố có đem theo đầy đủ giấy tờ gồm đăng ký xe, căn cước công dân của chị BH và nói với vợ chồng anh NLQ1, chị NLQ2 là cầm cố hộ chị họ nên vợ chồng anh NLQ1 không thể biết đây là xe BMT trộm cắp. Vì vậy không có căn cứ xử lý vợ chồng anh NLQ1 về hành vi Tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt: BMT từ 24 tháng đến 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 06/01/2021. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm, 750.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự:

Do bị hại đã được nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 15B3-033.15, 01 chìa khóa xe, 01 đăng ký xe, 01 Căn cước công dân. Chị BH không yêu cầu bị cáo phải bồi thường đối với số tài sản không thu hồi được là 01 ví da màu đỏ, 01 thẻ bảo hiểm, 01 thẻ ATM, không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền 450.000đồng bị cáo đã chiếm đoạt và không yêu cầu, đề nghị gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng anh NLQ1, chị NLQ2 có yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh chị số tiền 15.000.000đồng là tiền bị cáo đã cầm cố chiếc xe mô tô trộm cắp được của chị BH. Thấy yêu cầu bồi thường

của vợ chồng anh NLQ1 là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo BMT phải bồi thường cho vợ chồng anh NLQ1 số tiền 15.000.000đồng.

Về xử lý vật chứng: không.

Tại phiên tòa:

Bị hại vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, ý kiến trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thể hiện bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 450.000đồng bị cáo đã chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường số tài sản không thu hồi được và không có yêu cầu, đề nghị nào khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án yêu cầu bị cáo bồi thường 15.000.000đồng là số tiền anh chị đã đưa cho bị cáo khi cầm cố chiếc xe mô tô trộm cắp, không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo BMT thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng đã truy tố là đúng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên thu thập; bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Về tội danh:

[3] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về hành vi, thủ đoạn phạm tội, đặc điểm tài sản bị chiếm đoạt. Ngoài ra còn được chứng minh bởi Kết luận định giá tài sản số 03/ĐTTS-HĐĐG ngày 06/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, vật chứng là 01 chiếc xe mô tô của bị hại đã được thu

hồi. Bởi vậy, có đủ căn cứ xác định: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 02/01/2021 tại khu vực vỉa hè trước cửa nhà số 7 G, H, I lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, BMT đã dùng thủ đoạn lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là 01 xe mô tô Biển kiểm soát 15B3-033.15 trị giá 25.000.000đồng và số tiền 450.000đồng trong cốp xe của chị BH. Tổng trị giá tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 25.450.000đồng. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng điều khiển hành vi và nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do nhu cầu cá nhân bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi nêu trên của bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bởi vậy, cần phải được xử lý nghiêm.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có một tiền án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị xử phạt 48 tháng tù (chưa được xóa án tích), nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý, vì vậy bị cáo đã vi phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo tự nguyện đầu thú, bị cáo có ông nội là liệt sĩ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt chính: Nhân thân bị cáo có 01 tiền án, 03 tiền sự chưa được xóa nên phải đánh giá bị cáo không có nhân thân tốt. Do đó xét mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân xấu lại không có ý thức cải tạo, tu dưỡng để trở thành người công dân lương thiện nên cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian và xét xử bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung. Tuy nhiên, căn cứ nguyên tắc xử lý của pháp luật hình sự cần khoan hồng đối với người thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, áp dụng hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm ổn định, không có căn cứ xác định bị cáo có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Chị BH đã được nhận lại tài sản, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích cho bị hại quyền được đòi lại tài sản bị chiếm

đoạt, yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường các tài sản chưa thu hồi được, không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 450.000đồng là tiền bị cáo đã chiếm đoạt và không còn yêu cầu, đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh NLQ1 vợ là chị NLQ2 tại phiên tòa yêu cầu bị cáo bồi thường cho vợ chồng anh chị số tiền đã bỏ ra cầm cố xe mô tô là 15.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này. Xét yêu cầu bồi thường của vợ chồng anh NLQ1, chị NLQ2 là phù hợp quy định của pháp luật nên cần chấp nhận buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo đối với bản án:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: BMT 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 06/01/2021.

- Về dân sự:

Chị BH đã được nhận lại tài sản, Tòa án đã giải thích cho bị hại quyền được đòi lại tài sản bị chiếm đoạt, yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường các tài sản chưa thu hồi được, không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 450.000đồng là tiền bị cáo đã chiếm đoạt và không còn yêu cầu, đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo BMT phải bồi thường cho vợ chồng anh NLQ1, chị NLQ2 số tiền 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo BMT phải nộp 200.000đồng (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 750.000đồng (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- PV 06; PC10 Công an TP. Hải Phòng;
- CA quận Hồng Bàng;
- Cơ quan THAHS Công an quận Hồng Bàng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phương